

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày: 15/3/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng mượn
tài sản và hợp đồng dịch vụ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông **Lâm Ngọc Hà**

2/. Ông **Nguyễn Văn Ngự**

- **Thư ký Tòa án:** Lưu Thị Thúy Vy, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hải Bằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2019/TLST- DS, ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST- SD ngày 03 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Lăng Hữu L**, sinh năm 1954 (Có mặt)

Địa chỉ: Số A, đường Lê Hoàng B, khóm C, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. **Bị đơn:** Ông **Võ Văn K**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn **Võ Văn Kim:** Ông **Tô Minh S** (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Giấy ủy quyền ngày 12/02/2020)

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số A, đường Lê Hoàng B, khóm C, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Trần Thị S:** Ông **Lăng Hữu L** (Có mặt)

Địa chỉ: Số A, đường Lê Hoàng B, khóm C, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Giấy ủy quyền ngày 15/12/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2019; các biên bản hòa giải ngày 20/8/2019; ngày 08/12/2020; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn

ông Lăng Hữu L, đồng thời là người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị S trình bày: Vào tháng 6 năm 2018 ông K có đến nhà ông L mượn máy dũi sắt; ngày 23/12/2018 ông K có đến nhà ông L mượn một số vật dụng thi công như 05 chéo sắt, 11 giàn giáo và 08 cái mâm sắt.

Sau đó ngày 23/12/2018, thì ông K cùng 02 người đàn ông khác đến nhà ông L sửa chữa cái bếp, thay chậu rửa chén qua chỗ để bếp, thời gian khoảng 01 ngày, mấy tổ đội khác chỉ tính 800.000đ, nhưng ông K đòi 3.000.000đ rất phi lý, nên ông L không trả và ông L đến nhà ông K yêu cầu ông K trả lại dụng cụ đã mượn, ông K không trả và yêu cầu ông L trả 3.000.000đ tiền công sửa bếp mới trả đồ mượn lại.

Ngoài ra ông K xúc phạm danh dự ông L rất nhiều lần, nếu mượn dụng cụ thi có thời gian nhất định, chứ đâu phải mượn muốn bao giờ trả cũng được. Đồ ông sắm để làm công trình, khi rảnh việc thì cho thuê.

Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông K trả lại tài sản: 01 máy duỗi sắt; 05 chéo sắt; 11 giàn giáo; 08 cái mâm sắt.

Trả tiền thuê (trong thời gian cho mượn không tính), máy dũi sắt lấy từ tháng 6/2018 đến ngày 31/12/2019, là 10 tháng, cho mượn 03 tháng (không tính tiền thuê), còn lại 07 tháng tính tiền thuê:

Máy dũi sắt $50.000\text{đ}/1\text{ngày} \times 07\text{ tháng} (210\text{ngày}) = 10.500.000\text{đ}$

Giàn giáo, Mâm sắt lấy từ ngày 23/12/2018 đến ngày 31/12/2019 là 97 ngày, cho mượn 20 ngày, tính tiền thuê 77 ngày:

Giàn giáo 11 miếng $\times 2.500\text{đ}/1\text{ngày} \times 77 = 2.117.500\text{đ}$

Mâm sắt 08 cái $\times 3.000\text{đ}/1\text{ngày} \times 77 = 1.848.000\text{đ}$

Chéo 05 cặp không tính tiền thuê

Tổng cộng: 14.465.500 đồng.

Theo đơn phản tố ngày 18/02/2020, các biên bản hòa giải ngày 20/8/2019; ngày 08/12/2020; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện ủy quyền của bị đơn ông Tô Minh S trình bày: Vào khoảng đầu năm 2019 ông L có thuê ông K sửa chữa kệ bếp, bồn rửa chén của nhà ông Lộc, diện tích ngang 80cm x dài khoảng 2.5cm.

Do một mình ông K không thể sửa chữa hoàn thành trong ngày các hạng mục trong ngày cho ông L được, nên ông K có thuê 02 người thợ xây và 01 người thợ phụ là 04 người. Giữa ông K với ông L không có thỏa thuận giá, do chỗ quen biết nhau, thường thực hiện các hạng mục sửa chữa nhà cho ông L, thì ông L trả giá trung bình 350.000đ/ ngày cho ngày thứ 7 và chủ nhật.

Khi thực hiện xây dựng, sửa chữa kệ bếp, bồn rửa chén xong cho ông L, thì ông L chưa thanh toán tiền cho ông K và các người thợ; ông K phải lấy tiền của ông để trả cho 03 người thợ 900.000đ (300.000đ/ngày), đến nay ông L chưa thanh toán tiền công xây dựng cho ông K.

Nay ông K phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả cho ông K 1.500.000 đồng tiền công sửa chữa kệ bếp, bồn rửa chén.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2019, cũng như lời trình bày của ông L, thì Hội đồng xét xử xác định lại đây là quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng mượn tài sản và hợp đồng dịch vụ"; chứ không phải là tranh chấp đòi lại tài sản như ban đầu Tòa án thụ lý đã xác định.

[2] Về nội dung: Ông Lăng Hữu L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn K trả lại tài sản: 01 máy Dũil sắt; 05 Chéo sắt; 11 Giàn giáo; 08 cái Mâm sắt; và yêu cầu trả tiền thuê (do mượn chậm trả) là: 14.465.500 đồng.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, ông L cho rằng ông K mượn tài sản ông gồm: 01 máy Dũil sắt (lấy tháng 6 tháng năm 2018); 11 Giàn giáo; 08 cái Mâm; 05 chân chéo (lấy ngày 23/12/2018) và yêu cầu trả tiền thuê (do mượn chậm trả) 14.465.500 đồng. Tại phiên tòa hôm nay ông L xin rút lại một phần yêu cầu đối với 02 giàn giáo và 03 cái mâm.

Đến ngày 23/12/2018, thì ông K cùng 02 người đàn ông khác đến nhà ông L sửa chữa cái bếp, thay chậu rửa chén, thời gian khoảng 01 ngày, ông đồng ý trả cho ông K 1.000.000đ (thợ chính 250.000đ, thợ phụ 180.000đ).

[4] Về nội dung: Ông Võ Văn K phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lăng Hữu L trả lại tiền sửa chữa kệ bếp, bồn rửa chén 1.500.000đ.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, ông S người đại diện ủy quyền của ông K thừa nhận ông K có mượn tài sản của ông L : 01 máy Dũil sắt; 09 cái chân giàn giáo; 05 chân chéo; 05 cái Mâm sắt. Ông K đồng ý trả số tài sản mượn nêu trên, không đồng ý trả tiền thuê tài sản: 14.465.500 đồng.

Ông K phản tố yêu cầu ông L trả tiền sửa chữa kệ bếp, bồn rửa chén 1.500.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, ông S là người đại diện ủy quyền của ông K xin rút lại một phần yêu cầu phản tố 500.000đ; chỉ còn yêu cầu ông L trả 1.000.000đ.

[6] Xét yêu cầu phản tố của ông Võ Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả tiền công sửa chữa kệ bếp, bồn rửa chén: 1.500.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, ông S là người đại diện ủy quyền của ông K xin rút lại một phần yêu cầu phản tố 500.000đ; còn yêu cầu ông L trả 1.000.000đ, theo sự đồng ý của ông L. **Do đó cần buộc ông L trả tiền công sửa chữa kệ bếp, bồn rửa chén cho ông K 1.000.000đ.** Xét thấy tại phiên tòa hôm nay, ông S là người đại diện ủy quyền của ông K rút lại số tiền 500.000đ là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận; áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông K đối với số tiền 500.000đ.

[7] Xét đơn khởi kiện của ông Lăng Hữu L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K trả 01 máy Dũil sắt (lấy tháng 6 tháng năm 2018); 11 Giàn giáo; 08 cái Mâm; 05 chân chéo (lấy ngày 23/12/2018) và yêu cầu trả tiền thuê (do mượn chậm trả) 14.465.500 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, ông L rút một phần yêu cầu đối với 02 giàn giáo và 03 cái Mâm; còn yêu cầu ông K trả tiền 01 máy Dũil sắt; 09 giàn giáo; 05 cái Mâm; 05 chân chéo sắt và yêu cầu trả tiền thuê (do mượn

chậm trả) 14.465.500 đồng. Xét thấy tại phiên tòa hôm nay, ông S là người đại diện ủy quyền của ông K thừa nhận ông K có mượn của ông L 01 máy Dũi sắt; 09 giàn giáo; 05 cái Mâm; 05 chân chéo sắt như ông L yêu cầu là có cơ sở. Do đó buộc ông K trả cho ông L các tài sản: 01 máy Dũi sắt; 09 giàn giáo; 05 cái Mâm; 05 chân chéo sắt. Còn ông Lộc yêu cầu ông K trả tiền thuê (do mượn chậm trả) 14.465.500 đồng, ông K không đồng ý, cho rằng ông L và bà S kêu cho mượn lấy xài, chứ không phải thuê, ông L không có chứng cứ, chứng minh ông K thuê tài sản.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 496 Bộ luật Dân sự 2015, thì nghĩa vụ của bên mượn tài bồi thường thiệt hại, nếu làm mất, hư hỏng tài sản mượn; khoản 3 Điều 499 Bộ luật Dân sự 2015, thì quyền của bên cho mượn tài sản là yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với tài sản do bên mượn tài sản gây ra. Đối chiếu với quy định của pháp luật, thì yêu cầu trả tiền thuê do mượn tài sản lâu trả của ông L là không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên hôm nay, ông L rút lại một phần yêu cầu đối với 02 giàn giáo và 03 cái Mâm là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận; áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông L đối với 02 giàn giáo và 03 cái Mâm.

Theo thông kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản ngày 12/10/2020, thì:

1. Giàn giáo:

- Loại 1,7 mét, số lượng: 07 chân, đơn giá: 280.000đ/chân, nguyên giá 1.960.000đ, tỷ lệ còn lại 30%, giá trị còn lại 588.000đ

- Loại 1,3 mét, số lượng: 02 chân, đơn giá: 240.000đ/chân, nguyên giá 480.000đ, tỷ lệ còn lại 30%, giá trị còn lại 144.000đ

2. Mâm giàn giáo:

Số lượng: 05 mâm, đơn giá: 240.000đ/mâm, nguyên giá 1.200.000đ, tỷ lệ còn lại 30%, giá trị còn lại 360.000đ

3. Giăng giàn giáo:

Số lượng: 05 cặp, đơn giá: 58.000đ/cặp, nguyên giá 290.000đ, tỷ lệ còn lại 30%, giá trị còn lại 87.000đ

4. Máy dũi sắt (loại mô tơ 1,5HP)

Số lượng: 01 cái, đơn giá: 6.500.000đ/cái, nguyên giá 6.500.000đ, tỷ lệ còn lại 30%, giá trị còn lại 1.950.000đ

Tổng cộng: 3.129.000đ.

[8] Tại phiên tòa hôm nay, đại Kiểm sát viên cho rằng HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án, đảm bảo về thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa theo quy định BLTTDS năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lăng Hữu L, buộc bị đơn ông Võ Văn K trả cho ông Lộc các tài sản 01 máy Dũi sắt; 09 giàn giáo; 05 cái Mâm; 05 chân chéo sắt; không chấp nhận yêu cầu của ông L yêu cầu ông K trả số tiền thuê (do mượn chậm trả) 14.465.500 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu của ông L đối với 02 giàn giáo và 03 cái Mâm.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Võ Văn K, buộc ông Lăng Hữu L **trả tiền công sửa chữa kệ bếp, bồn rửa chén cho ông K 1.000.000đ**; đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông Võ Văn K đối với số tiền 500.000đ.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu phản tố của ông Võ Văn K là có cơ sở chấp nhận một phần. Do đó áp dụng Điều 513; Điều 514; khoản 3 Điều 519 Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc ông Lăng Hữu L có nghĩa vụ trả cho ông K số tiền: 1.000.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông K đối với số tiền 500.000đ.

Cũng từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Lăng Hữu L là có cơ sở chấp nhận một phần. Do đó áp dụng Điều 494; Điều 495; khoản 3 Điều 496 Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc ông Võ Văn K có nghĩa vụ trả lại tài sản mượn cho ông Lăng Hữu L : 01 máy dũi loại thép phi 6, mô tơ 1,5 HP; 09 chân giàn giáo (Trong đó loại 1,7 mét, số lượng 07 chân; loại 1,3 mét, số lượng 02 chân); 05 Mâm giàn giáo; 05 cặp giằng chéo giàn giáo.

[10] Về chi phí tố tụng: Hết 3.500.000đ, ông Võ Văn K phải chịu để trả lại để trả ông Lăng Hữu L đã tạm ứng trước.

[11] Về án phí: Ông Võ Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000đ.

Ông Lăng Hữu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 723.275đ của (số tiền 14.465.500đ x 5 = 723.275đ); nhưng ông Lăng Hữu Lộc thuộc đối tượng là người cao tuổi (hiện nay trên 60 tuổi), nên Hội đồng xét xử quyết định cho **ông Lăng Hữu L** được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 244; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 513; Điều 514; khoản 3 Điều 519; Điều 494; Điều 495; khoản 3 Điều 496 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn phản tố của ông Võ Văn K về việc yêu cầu ông Lăng Hữu L trả tiền công thuê xây dựng kệ bếp, bồn rửa chén.

Buộc ông Lăng Hữu L có nghĩa vụ trả cho ông Võ văn K số tiền: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Đình chỉ một phần đơn yêu cầu phản tố của ông Võ văn K với số tiền: 500.000đ.

Chấp nhận một phần đơn yêu cầu của ông Lăng Hữu L kiện ông Võ Văn Kim về việc tranh chấp hợp đồng mượn tài sản.

Buộc ông Võ văn K có nghĩa vụ trả cho ông Lăng Hữu L các tài sản: 01 máy dũi loại thép phi 6 mô tơ 1,5 HP; 09 chân giàn giáo (Trong đó loại 1,7 mét, số lượng 07 chân; loại 1,3 mét, số lượng 02 chân); 05 Mâm giàn giáo; 05 cặp giằng chéo giàn giáo.

Không chấp nhận một phần đơn yêu cầu của ông Lăng Hữu L kiện ông Võ Văn K trả số tiền thuê (do mượn chậm trả) 14.465.500 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Lăng Hữu L đối với 02 giàn giáo và 03 cái Mâm.

Về chi phí tố tụng: Hết 3.500.000đ, ông Võ Văn K phải chịu để trả lại để trả ông Lăng Hữu L, vì ông Lộc đã tạm ứng trước.

Về án phí: Ông Võ Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0001389 ngày 27/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành; ông K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lăng Hữu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 723.275đ của (số tiền 14.465.500đ x 5 = 723.275đ); nhưng ông Lăng Hữu Lộc thuộc đối tượng là người cao tuổi (hiện nay trên 60 tuổi), nên Hội đồng xét xử quyết định cho **ông Lăng Hữu L** được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Võ văn K có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lăng Hữu L còn phải trả lãi cho ông Võ văn K theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh

